

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10-5-2024

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh D”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thom

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thanh Nguyên và ông Hà Minh Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:*** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp X, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Hải D**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp X, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Lê Thị H trình bày như sau:***

Chị Lê Thị Hi (gọi tắt là chị H) và anh Nguyễn Hải D (gọi tắt là anh D) chung sống với nhau vào năm 2013 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/4/2014 theo quy định.

Vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi bất hoà đôi khi còn xảy ra đánh nhau dẫn đến thương tích. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến năm 2017 thì quay lại tiếp tục chung sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh D tiếp tục có bồ bịch bên ngoài nên vào năm 2018 vợ chồng tiếp tục ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng và hôn nhân không thể tiếp diễn. Đến nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D để mỗi người có cuộc sống tự do riêng.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/6/2014 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 21/02/2017 hiện các con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi các con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Hải D vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.*

*Ý kiến trình bày của con chung:* Cháu Nguyễn Hải Đ và cháu Nguyễn Ngọc D1 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

*Thu thập chứng cứ:* Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy chứng minh dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng), giấy khai sinh của con các chung. Bị đơn không cung cấp chứng cứ. Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Nguyễn Hải D đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn với anh D; về con chung giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/6/2014 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 21/02/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị H yêu cầu ly hôn với anh D và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị H và anh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị H và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không có sự hoà hợp, anh D có quan hệ bồ bịch bên ngoài làm cho đời sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất hoà và đôi khi còn xảy ra bạo lực dẫn đến thương tích. Vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân rồi lại quay về sống chung nhưng mâu thuẫn hôn nhân không được cải thiện và tiếp tục ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện tại anh chị đều tạo dựng cuộc sống riêng, không còn quan tâm

đến nhau và đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H và anh D ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh D chung sống có hai người con chung cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/6/2014 và Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 21/02/2017. Từ khi anh chị ly thân con chung sống với chị H có cuộc sống ổn định, các con chung đều có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn,. Hiện tại chị H có thu nhập ổn định để nuôi dưỡng con chung và còn được cha mẹ ruột hỗ trợ việc nuôi dưỡng, trông nom và giáo dục các cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không thể hiện có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không phản đối việc chị H có nguyện vọng được nuôi các con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Nguyễn Hải Đ và cháu Nguyễn Ngọc D1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị H không yêu cầu anh Dương phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị H là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hải D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 18/6/2014 và cháu Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 21/02/2017 cho chị Lê Thị H tiếp tục nuôi dưỡng sau chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hải D ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Lê Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Hải D phải cấp dưỡng nuôi các con chung sau khi vợ chồng ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008850 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 10/5/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Thái A;
- Lưu, HS, VP.

**Đinh Thị Thơm**